

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 768/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 22 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ lĩnh vực người có công thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 79/TTr-SLĐTBXH ngày 19/4/2022 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực người có công thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ lĩnh vực người có công thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phạm Đình Nghị

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, BẢO BỔ LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Quyết định số: 768/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	- 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ - 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) - 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; đã được hưởng chế độ ưu đãi nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ)	- Ủy ban nhân dân cấp xã; - Sở Lao động - TB và XH.	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ; - Quyết định 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/12/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	- 12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với trường hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi thường trú của cá nhân đồng thời là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ; - 17 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với trường hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi	- Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN - Ủy ban nhân dân cấp xã; - Sở Lao động - TB và XH nơi cá nhân thường trú; - Sở Lao động - TB và XH nơi quản lý hồ sơ gốc;	Không	

		thường trú của cá nhân không phải là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ				
3	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	- 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- UBND cấp xã; - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; - Sở Lao động - TB và XH.	Không		
4	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	- 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- UBND cấp xã; - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; - Sở Lao động - TB và XH.	Không		
5	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	- 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- UBND cấp xã; - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; - Sở Lao động - TB và XH.	Không		- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ;
6	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	- 104 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Tiếp nhận tại trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN; - Sở Lao động - TB và XH.	Không		
7	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối	- 84 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Tiếp nhận tại trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN; - Sở Lao động - TB và XH. - Hội đồng giám định y khoa	Không		

	chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý		đường; - Sở Lao động - TB và XH.		
12	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	- 17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- UBND cấp xã; - Phòng Lao động - TB và XH; - Sở Lao động - TB và XH.	Không	
13	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	- 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; - Sở Lao động - TB và XH.	Không	
14	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	- 17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- UBND cấp xã; - Cơ quan quản lý hồ sơ;	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ;
15	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	- 37 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; - UBND cấp xã; - Sở Lao động - TB và XH.	Không	
16	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng	- 84 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa	- UBND cấp xã; - Phòng Lao động - TB và XH;	Không	

21	<p>Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân</p>	<p>- 24 ngày đối với trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội, công an công an quản lý. - 15 ngày làm việc đối với trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý.</p>	<p>- Sở Lao động - TB và XH; Phòng Lao động - TB và XH đối với hồ sơ người có công đang do quân đội, công an quản lý; Cơ quan, đơn vị quản lý người có công thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; - Sở Lao động - TB và XH; Phòng Lao động - TB và XH; Ủy ban nhân dân cấp xã đối với hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý.</p>	Không	<p>- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ;</p>
22	<p>Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên</p>	<p>- 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p>	<p>- Sở Lao động -TB và XH;</p>	Không	
23	<p>Hưởng lại chế độ ưu đãi</p>	<p>- 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p>	<p>- Tiếp nhận tại trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN; - Sở Lao động - TB và XH.</p>	Không	
24	<p>Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần</p>	<p>- 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trợ cấp một lần và mai táng; - Đối với trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng: + 31 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p>	<p>- UBND cấp xã; - Phòng Lao động - TB và XH; - Sở Lao động - TB và XH.</p>	Không	

		đổi với trường hợp đủ điều kiện. + 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đổi với trường hợp con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng.					
25	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	- 24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ	- UBND cấp xã; - Phòng Lao động - TB và XH; - Sở Lao động - TB và XH.	Không			
26	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	- 24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ	- Tiếp nhận tại trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN; - Sở Lao động - TB và XH; - Cơ quan có thẩm quyền.	Không			
27	Di chuyển hồ sơ khi người hướng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	- 24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ	- Tiếp nhận tại trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN; - Sở Lao động - TB và XH.	Không			- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ;
28	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	- 12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ	- Sở Lao động - TB và XH	Không			
29	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hướng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	- 10 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ	- UBND cấp xã; - Phòng Lao động - TB và XH; - Sở Lao động - TB và XH.	Không			
30	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ	- 09 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ	- UBND cấp xã; - Phòng Lao động - TB và XH;	Không			- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020;

	theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		- Sở Lao động - TB và XH.		- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ;
31	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	- 15 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ	- Cơ quan, đơn vị quản lý liệt sĩ trước khi hy sinh cấp tỉnh; - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.		

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BẢI BỎ

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính ¹	Căn cứ pháp lý
1	2.000978.000.00.00.H40	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động	Quyết định 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/12/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2	1.002252.000.00.00.H40	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	
3	1.002271.000.00.00.H40	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần	
4	1.004967.000.00.00.H40	Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp: - Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù; - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; - Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ; - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra	
5	1.002305.000.00.00.H40	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	
6	1.002354.000.00.00.H40	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác	
7	1.002363.000.00.00.H40	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh	

¹ Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định.

		hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	động - Thương binh và Xã hội.
8	1.002377.000.00.00.H40	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	
9	1.002382.000.00.00.H40	Thủ tục giám định vết thương còn sót	
10	1.002393.000.00.00.H40	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	
11	1.002410.000.00.00.H40	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
12	1.003351.000.00.00.H40	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
13	1.002429.000.00.00.H40	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	
14	1.002440.000.00.00.H40	Thủ tục giải quyết chế độ người HDKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	
15	1.003423.000.00.00.H40	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	
16	1.002449.000.00.00.H40	Thủ tục sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	
17	1.002487.000.00.00.H40	Thủ tục di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng	
18	1.006779.000.00.00.H40	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
19	1.002519.000.00.00.H40	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	
20	1.002720.000.00.00.H40	Thủ tục giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ	
21	1.002741.000.00.00.H40	Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	
22	1.002745.000.00.00.H40	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	
23	1.003025.000.00.00.H40	Thủ tục đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ	
24	1.003042.000.00.00.H40	Thủ tục lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	

25	1.003057.000.00.00.H40	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ
26	1.003159.000.00.00.H40	Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hai cốt liệt sĩ

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THĂM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN
I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Tên thủ tục hành	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thăm viếng mộ liệt sĩ	- 06 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ	- UBND cấp xã; - Phòng Lao động - TB và XH;	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÀI BỎ

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính ²	Căn cứ pháp lý
1	2.001375.000.00.00.H40	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	Quyết định 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/12/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2	2.001378.000.00.00.H40	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chính hình; đi điều trị phục hồi chức năng	

² Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ
I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Tên thủ tục hành	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	- 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ	UBND cấp xã;	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BẢI BỎ

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính ³	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
1	2.001382.000.00.H40	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hải cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	Quyết định 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2	1.003337.000.00.H40	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	

³ Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định.